TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 664/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung giữa chị T với anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Nguyễn Ngọc Đầy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Hưng 2, xã BM, huyện C Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lê T N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Hưng 2, xã BM, huyện C Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Năm 2012 vợ chồng kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do công việc làm ăn, anh N làm nghề chạy xe tải nên vợ chồng thường xuyên xa nhau, tình cảm dần nhợt nhạt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, lâu dần mất tình

cảm, không còn thương yêu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng đến mức không hòa giải được. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung Lê Trần Đăng Khôi, sinh ngày 29/09/2013. Hiện cháu đang sống với chị T. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh chị được cha mẹ chồng cho 01 lượng vàng 24kr vào ngày đám cưới. Số vàng này anh chị đã bán để hùn vào mua xe tải, chiếc xe tải và giấy tờ xe hiện do anh N quản lý, sử dụng, xe hiện đang ở Phú Quốc. Chị yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24kr, anh N có trách nhiệm hoàn lại cho chị 05 chỉ vàng 24kr vì anh N đã quản lý, khai thác giá trị của chiếc xe tải.

4. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không phản hồi ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh N, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T rút lại yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24kr đối với bị đơn anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Phú phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh . Xét yêu cầu của chị T và điều kiện chăm sóc cháu Khôi, đề nghị giao cháu Khôi cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị đình chỉ và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân của chị T; Bản sao giấy khai sinh cháu Khôi; Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn ly hôn; Biên bản lấy lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126, quyển số 01/2012. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị T yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không phản hồi ý kiến.

Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân là thời gian để các bên tự cảm nhận lại tình cảm của nhau, nhưng anh chị vẫn không cảm nhận được tình cảm, không tự hàn gắn được quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt không lý do, cho thấy anh N không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho chị T tự giải quyết. Qua đó, thể hiện anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh N là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Lê Trần Đăng Khôi, sinh ngày 29/09/2013, hiện các cháu do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Từ khi chị T và anh Nhân ly thân với nhau cho đến nay cháu Khôi do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cùng chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của chị T, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh sống, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Khôi cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với anh N. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Lê T N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 126, quyển số 01/2012, ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã BM, huyện C Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung Lê Trần Đăng Khôi, sinh ngày 29/09/2013.

- Giao con chung tên Lê Trần Đăng Khôi, sinh ngày 29/09/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê T N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Lê T N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24kr của nguyên đơn đối với bị đơn anh N.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005625 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Phú.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C Phú;
- Chi cục THADS huyện C Phú;
- UBND xã BM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Huỳnh Văn Hùng** **Lê Thị Hồng Thi**